

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1566/QĐ – ĐHNH ngày 18 tháng 6 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Tp. HCM)

Tên chương trình: **TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI
BUSINESS ENGLISH**

Trình độ đào tạo: **ĐẠI HỌC**

Ngành đào tạo: **NGÔN NGỮ ANH**

Mã số: **7220201**

Hình thức đào tạo: **CHÍNH QUY TẬP TRUNG**

1. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Tiếng Anh thương mại có đủ kiến thức nền tảng về ngôn ngữ Anh, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp để làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tài chính, thương mại trong và ngoài nước đáp ứng yêu cầu của xã hội. Sinh viên cũng có năng lực tự học và tự nghiên cứu ở bậc cao hơn.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Chuẩn đầu ra	Nội dung Chuẩn đầu ra	Mức độ theo thang đo
PLO1	Khả năng vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội trong lĩnh vực kinh tế	3
PLO2	Khả năng tư duy phản biện	3
PLO3	Khả năng tổ chức, làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong môi trường hội nhập quốc tế	3
PLO4	Thể hiện tính chủ động, tích cực trong học tập nghiên cứu và quản lý các nguồn lực cá nhân, đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời	3

PLO5	Thể hiện ý thức tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội	3
PLO6	Khả năng vận dụng kiến thức ngôn ngữ, văn hóa một cách có hệ thống để phân tích và xử lý các vấn đề chuyên môn	4
PLO7	Khả năng vận dụng ngoại ngữ để giao tiếp, biên-phiên dịch trong lĩnh vực kinh tế, thương mại	4
PLO8	Khả năng nhận biết, nắm bắt và thích ứng với các xu hướng thay đổi trong lĩnh vực kinh tế, thương mại	3

3. Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra các môn học

Chuẩn đầu ra		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
STT	Tên môn học								
Môn học bắt buộc khối giáo dục đại cương									
1	Triết học Mác Lênin	X	X	X					
2	Kinh tế chính trị Mác Lênin	X	X	X					
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X	X	X					
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X	X	X					
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X	X	X					
6	Dẫn luận ngôn ngữ học	X	X	X					
7	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh			X	X	X			
8a	Tiếng Trung Quốc 1 (tương đương HSK1)		X	X	X				
8b	Tiếng Nhật 1 (tương đương N5)		X	X	X				
9a	Tiếng Trung Quốc 2 (tương đương HSK2)		X	X	X				
9b	Tiếng Nhật 2 (tương		X	X	X				

	đương N5)								
10a	Tiếng Trung Quốc 3 (tương đương tiền HSK3)		X	X	X				
10b	Tiếng Nhật 3 (tương đương tiền N4)		X	X	X				
11a	Tiếng Trung Quốc 4 (tương đương HSK3)		X	X	X				
11b	Tiếng Nhật 4 (tương đương N4)		X	X	X				
Môn học tự chọn khối đại cương (chọn 1 trong 3 môn học)									
12a	Cơ sở Văn hóa Việt Nam	X	X	X					
12b	Logic học	X		X		X			
12c	Tâm lý học	X		X		X			
Môn học khối giáo dục chuyên nghiệp									
Môn học bắt buộc cơ sở ngành									
13	Phát âm			X	X			X	
14	Tiếng Anh- Nghe 1 (tương đương B1)		X	X	X				
15	Tiếng Anh- Nghe 2 (tương đương B1+)		X	X	X				
16	Tiếng Anh- Nghe 3 (tương đương B2)		X	X	X				
17	Tiếng Anh- Nghe nâng cao (tương đương C1)		X	X	X				
18	Tiếng Anh- Nói 1 (tương đương B1)		X	X	X				
19	Tiếng Anh- Nói 2 (tương đương B1+)		X	X	X				
20	Tiếng Anh- Nói 3 (tương đương B2)		X	X	X				

21	Tiếng Anh- Nói nâng cao (tương đương C1)		X	X	X				
22	Tiếng Anh- Đọc 1 (B1)		X	X	X				
23	Tiếng Anh- Đọc 2 (tương đương B1+)		X	X	X				
24	Tiếng Anh- Đọc 3 (tương đương B2)		X	X	X				
25	Tiếng Anh- Đọc nâng cao (tương đương C1)		X	X	X				
26	Tiếng Anh- Viết 1 (tương đương B1)		X	X	X				
27	Tiếng Anh- Viết 2 (tương đương B1)		X	X	X				
28	Tiếng Anh- Viết 3 (tương đương C1)		X	X	X				
29	Tiếng Anh- Viết nâng cao		X	X	X				
30	Kỹ năng thuyết trình		X	X	X				
Môn học tự chọn cơ sở ngành (chọn 1 trong các môn)									
31a	Tiếng Trung Quốc thương mại			X	X				X
31b	Ngữ pháp		X	X	X				
31c	Thực hành viết thư tín thương mại				X			X	X
Môn học bắt buộc ngành									
32	Ngữ âm- Âm vị học						X	X	X
33	Hình thái- Cú pháp học						X	X	X
34	Ngữ nghĩa học						X	X	X
35	Văn hóa Anh/ Văn		X				X	X	

	hóa Mỹ								
36	Dẫn luận văn học Anh- Mỹ		X				X	X	
37	Lý thuyết dịch		X				X	X	
Môn học bắt buộc chuyên ngành									
38	Biên dịch thương mại Anh-Việt						X	X	X
39	Biên dịch thương mại Việt- Anh						X	X	X
40	Tiếng Anh kinh doanh 1				X			X	X
Môn học tự chọn ngành và chuyên ngành (chọn 2 môn trong số các môn): 41-42									
41a	Phân tích diễn ngôn						X	X	X
41b	Ngôn ngữ học đối chiếu		X				X	X	
42a	Tiếng Anh chuyên ngành Luật kinh doanh				X			X	X
42b	Tiếng Anh chuyên ngành Quản lý nhân sự				X			X	X
42c	Tiếng Anh chuyên ngành Marketing				X			X	X
43	Học phần thực tập cuối khóa			X	X	X	X	X	X
Học phần tốt nghiệp									
44	Học phần khóa luận tốt nghiệp		X		X	X	X	X	X
Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp									
44a	Phiên dịch thương mại						X	X	X
44b	Tiếng Anh kinh doanh 2				X			X	X

44c	Giao tiếp liên văn hóa trong kinh doanh		X				X	X	
-----	--	--	---	--	--	--	---	---	--

4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Sinh viên tốt nghiệp có thể làm công việc biên phiên dịch trong các lĩnh vực phổ thông, thương mại, tài chính ngân hàng cần sử dụng tiếng Anh.
- Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh có thể làm việc trong các tổ chức cần sử dụng tiếng Anh, các tổ chức cần sử dụng tiếng Anh, các tổng lãnh sự, cơ quan truyền thông, nhà xuất bản, công ty biên phiên dịch, các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp trong và ngoài nước, các tổ chức thương mại, kinh doanh, tài chính ngân hàng.
- Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhận công tác giảng dạy Tiếng Anh chuyên ngành tại các cơ sở đào tạo khác nhau sau khi đã bổ sung kiến thức và kỹ năng sư phạm.

5. Khối lượng kiến thức toàn khoá

- Tổng số tín chỉ của Chương trình đào tạo là 125 đơn vị tín chỉ (đvtc), không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất (5 đvtc) và Giáo dục quốc phòng (8 đvtc).

6. Đối tượng tuyển sinh

- Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định chi tiết của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh

8. Chương trình đào tạo tham khảo - đối sánh

- Chuyên ngành Tiếng Anh Thương Mại Trường Đại học Thương Mại.
- Chuyên ngành tiếng Anh Thương Mại Trường Đại học Ngoại Ngữ- Đại học Đà Nẵng.
- Chuyên ngành tiếng Anh Thương Mại Trường Đại học Kinh tế TP.HCM
- Ngành ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Quản Trị Học trường Đại Học Ngoại Ngữ Đại Học Quốc Gia Hà Nội.
- Học phần BA program in Business English Trường Đại Học Assumption- Thái Lan.
- Chuyên ngành Tiếng Anh Thương Mại Trường Đại Học Thượng Hải- Trung Quốc.
- Học phần English with International Business BA Trường Đại Học Nottingham Cơ sở Ningbo- Trung Quốc.

9. Cách thức đánh giá

- Áp dụng theo thang điểm 10, điểm chữ và thang điểm hệ 4 được quy đổi từ thang điểm 10 chỉ sử dụng mang tính tham khảo, đối chiếu.

10. Kết cấu và nội dung chương trình

10.1. Kết cấu chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức	Số học phần	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
1	Giáo dục đại cương	12	29	23,2
2	Giáo dục chuyên nghiệp			
2.1	<i>Cơ sở ngành</i>	19	55	44
2.2	<i>Ngành</i>	8	20	16
2.3	<i>Chuyên ngành</i>	5	21	16,8
	Tổng cộng	44	125	100%

10.2. Nội dung chương trình đào tạo

STT	Môn học (Học phần)	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức				Học kỳ phân bố
			Lý thuyết	Thực hành/ Bài tập	Khác	Cộng	
1. Kiến thức giáo dục đại cương							
Kiến thức bắt buộc							
1	Triết học Mác Lênin/ Marxist- Leninist Philosophy	Triết học Mác – Lênin là môn học cơ bản, cung cấp kiến thức chung nhằm trang bị thể giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng duy vật cho người học. Môn học giúp người học xác định đúng vai trò, vị trí của triết học	2	1	0	3	Học kỳ 3

		Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Môn học góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, từng bước hình thành những giá trị văn hoá và nhân sinh quan tốt đẹp, củng cố lý tưởng, niềm tin vào con đường và sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi người học tốt nghiệp.					
2	Kinh tế chính trị Mác Lênin <i>Marxist-Leninist Political Economics</i>	Kinh tế chính trị Mác – Lênin là môn khoa học kinh tế, là một bộ phận cấu thành của khoa học Mác – Lênin. Nó nghiên cứu các quan hệ xã hội của con người trong quá trình sản xuất, trao đổi, tiêu dùng của cải vật chất qua các giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội loài người. Thông qua đó, làm rõ bản chất của các quá trình và các hiện tượng kinh tế, tìm ra các quy luật vận động của nền kinh tế - xã hội.	5/3	1/3	0	2	Học kỳ 4

3	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác – Lênin, nghiên cứu những quy luật tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới và trong đời sống hiện thực ở Việt Nam hiện nay.	5/3	1/3	0	2	Học kỳ 5
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Thought</i>	Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học cơ bản, bao gồm 6 chương, cung cấp các kiến thức cốt lõi về: sự hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người và sự vận dụng của Đảng Cộng sản trong cách mạng Việt Nam, giúp người học nhận thức được vai trò, giá trị	1	1	0	2	Học kỳ 6

		của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.					
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of Communist Party of Vietnam</i>	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học cơ bản, bao gồm 4 chương, cung cấp các kiến thức cơ bản về: sự ra đời của Đảng; quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng trong các giai đoạn; thành công, hạn chế, bài học kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng, nhằm giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.	5/3	1/3	0	2	Học kỳ 7
6	Dẫn luận ngôn ngữ học <i>Introduction to linguistics</i>	Hiểu được các kiến thức cơ bản của ngôn ngữ học Có khả năng phân tích ngôn ngữ ở bậc sơ cấp.	2			2	Học kỳ 2
7	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh <i>Introduction to the</i>	Có kiến thức tổng quan về ngành học; có kỹ năng cần thiết để làm quen, thích nghi và hòa nhập tốt với môi trường học tập ở bậc đại học. Có	2			2	Học kỳ 1

	<i>English</i> <i>Major</i>	kế hoạch phát triển bản thân và định hướng nghề nghiệp.					
Sinh viên chọn 1 trong 2 ngôn ngữ: tiếng Trung Quốc hoặc Tiếng Nhật							
8	Tiếng Trung Quốc 1 (tương đương HSK1) <i>Chinese 1</i>	Có kỹ năng phát âm, xác định bộ, phân tích kết cấu chữ Hán, nắm vững các kiến thức ngữ pháp cơ bản. Tích lũy được 150 từ thuộc HSK1.	1	2		3	Học kỳ 3
	Tiếng Nhật 1 (tương đương N5) <i>Japanese 1</i>	Có thể sử dụng tiếng Nhật sơ cấp, đạt mức Sơ cấp 1 trong khung năng lực JLPT- N5					
9	Tiếng Trung Quốc 2 (tương đương HSK2) <i>Chinese 2</i>	Có kỹ năng phát âm, xác định bộ, phân tích kết cấu chữ Hán, nắm vững các kiến thức ngữ pháp cơ bản. Tích lũy được 150 từ thuộc HSK2.	1	2		3	Học kỳ 4
	Tiếng Nhật 2 (tương đương N5) <i>Japanese 2</i>	Nắm được 71 chữ Hán sơ cấp đạt mức Sơ cấp 2 trong khung năng lực JLPT- N5.					
10	Tiếng Trung Quốc 3	Có kỹ năng phát âm, xác định bộ, phân tích kết cấu chữ Hán, nắm vững	1	2		3	Học kỳ 5

	(tương đương HSK3) <i>Chinese 3</i>	các kiến thức ngữ pháp cơ bản. Tích lũy được 150/300 từ thuộc HSK3.					
	Tiếng Nhật 3 (tương đương tiền N4) <i>Japanese 3</i>	Nắm được 72 chữ Hán sơ cấp đạt mức sơ trung cấp 1 trong khung năng lực JLPT- N4					
11	Tiếng Trung Quốc 4 (tương đương HSK3) <i>Chinese 4</i>	Có kỹ năng phát âm, xác định bộ, phân tích kết cấu chữ Hán, nắm vững các kiến thức ngữ pháp cơ bản. Tích lũy được 150/300 từ thuộc HSK3.	1	2		3	Học kỳ 6
	Tiếng Nhật 4 (tương đương N4) <i>Japanese 4</i>	Nắm được 77 chữ Hán sơ cấp đạt mức sơ trung cấp 2 trong khung năng lực JLPT- N4.					
Kiến thức tự chọn: Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần sau)							
12	Cơ sở văn hóa Việt Nam <i>Introduction to Vietnamese Culture</i>	Cơ sở VHVN cung cấp những kiến thức về đại cương văn hóa, những nền tảng, cơ sở của VHVN. Rèn luyện các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình cho sinh	2			2	Học kỳ 2

		viên. Bồi dưỡng tình cảm thái độ trân trọng, tự hào về những giá trị văn hóa, lịch sử dân tộc VN và tích cực giữ gìn phát huy những giá trị văn hóa của dân tộc. Logic học: môn học gồm 6 chương, những quy luật cơ bản của tư duy; khái niệm; phán đoán, suy luận; chứng minh, bác bỏ ngụy biện và những bài tập ứng dụng nhằm cung cấp một số kiến thức logic căn bản như là phương tiện tối thiểu để rèn luyện và nâng cao kỹ năng tư duy cho người học, giúp người học tư duy nhanh, chính xác, lập luận chặt, chứng minh, bác bỏ một cách thuyết phục, trình bày tư tưởng ngắn gọn, khúc chiết, rõ ràng, mạch lạc, biết phát hiện những đúng sai, tráo trở, ngụy biện trong lập luận của người khác.					
--	--	--	--	--	--	--	--

	Tâm lý học <i>Psychology</i>	Tâm lý học là môn khoa học xã hội, nghiên cứu các vấn đề về bản chất tâm lý người, phân loại các hiện tượng tâm lý người, sự hình thành và phát triển tâm lý - ý thức; phân tích các thành phần trong hoạt động nhận thức của con người, nghiên cứu các yếu tố trong đời sống tình cảm, ý chí và các thành tố tạo nên nhân cách cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.					
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							
Kiến thức cơ sở ngành							
Kiến thức bắt buộc							
1	Phát âm <i>Pronunciation</i>	Có kỹ năng phát âm: âm tiết, trọng âm, ngữ điệu. Sử dụng được các ký hiệu phiên âm để sử dụng trong quá trình tự học để cải thiện kỹ năng nghe – nói trong giao tiếp.	1	2		3	Học kỳ 2
2	Tiếng Anh- Nghe 1	Có phương pháp nghe: ý chính, thông tin cụ thể ở	1	2		3	Học kỳ 1

	(tương đương B1) <i>Listening 1</i>	cấp độ cuối A2 đầu B1. Có vốn từ vựng tiếng Anh trong lĩnh vực kinh doanh.					
3	Tiếng Anh- Nghe 2 (tương đương B1+) <i>Listening 2</i>	Có phương pháp nghe: hiểu quan hệ nguyên nhân- kết quả, các loại số ở cấp độ B1. Tăng cường vốn từ vựng tiếng Anh trong lĩnh vực kinh doanh.	1	2		3	Học kỳ 2
4	Tiếng Anh- Nghe 3 (tương đương B2) <i>Listening 3</i>	Có phương pháp nghe: ý, những ý kiến trái ngược, suy đoán ở cấp độ B2. Tăng cường phát triển vốn từ vựng tiếng Anh trong lĩnh vực kinh doanh.	1	2		3	Học kỳ 3
5	Tiếng Anh- Nghe nâng cao (tương đương C1) <i>Advanced Listening</i>	Có phương pháp và kỹ năng nghe: hiểu ví dụ, hiểu thái độ của người nói ở cấp độ B2 - tiền C1. Tăng cường vốn từ vựng tiếng Anh trong lĩnh vực kinh doanh.	1	1		2	Học kỳ 4
6	Tiếng Anh- Nói 1 (tương đương B1) <i>Speaking 1</i>	Đạt kỹ năng nói đạt cấp độ cuối A2, đầu B1: thảo luận nhóm, trình bày ý kiến cá nhân, hướng dẫn, cho lời khuyên, cho ví dụ, tóm tắt hoặc làm rõ nội dung,	1	2		3	Học kỳ 1

7	Tiếng Anh- Nói 2 (trương đương B1+) <i>Speaking 2</i>	Đạt kỹ năng nói ở cấp độ B1: thể hiện sự quan tâm, đổi chủ đề, né tránh trả lời, duy trì sự chú ý của người nghe, kiểm tra người nghe có hiểu nội dung đối thoại và bổ sung ý kiến của người khác.	1	2		3	Học kỳ 2
8	Tiếng Anh- Nói 3 (trương đương B2) <i>Speaking 3</i>	Đạt kỹ năng nói ở cấp độ B2: dẫn dắt thảo luận nhóm, thể hiện sự đồng ý hoặc không đồng ý, giải thích lý do, đưa ý kiến và bảo vệ ý kiến cá nhân, làm rõ nội dung, cho lời khuyên, và thực hiện một bài thuyết trình ngắn.	1	2		3	Học kỳ 3
9	Tiếng Anh- Nói nâng cao (trương đương C1) <i>Advanced Speaking</i>	Đạt kỹ năng nói ở cấp độ C1: thảo luận các lựa chọn, làm rõ thông tin, cho lời khuyên, sử dụng ngôn ngữ phù hợp với nhiều tình huống và tham gia tranh luận.	1	1		2	Học kỳ 4
10	Tiếng Anh- Đọc 1 (trương đương B1) <i>Reading 1</i>	Có kỹ năng đọc-hiểu: nắm ý chính, ý chủ đạo của các bài đọc; nắm bắt các thông tin chi tiết ở cấp độ dưới B1 đến B1. Tăng vốn từ vựng trong lĩnh vực tiếng Anh kinh	1	2		3	Học kỳ 1

		doanh.					
11	Tiếng Anh- Đọc 2 (tương đương B1+) <i>Reading 2</i>	Có kỹ năng đọc-hiểu: xác định quan hệ ý chính phụ; nắm bắt quan hệ tương phản ở cấp độ B1- B2. Tăng vốn từ vựng trong lĩnh vực tiếng Anh kinh doanh.	1	2		3	Học kỳ 2
12	Tiếng Anh- Đọc 3 (tương đương B2) <i>Reading 3</i>	Có kỹ năng đọc-hiểu: khai thác dàn bài; nắm bắt định hướng của người viết ở cấp độ B2 đến dưới C1. Tăng vốn từ vựng trong lĩnh vực tiếng Anh kinh doanh.	1	2		3	Học kỳ 3
13	Tiếng Anh- Đọc nâng cao (tương đương C1) <i>Advanced Reading</i>	Có kỹ năng đọc-hiểu: phân biệt ý chính phụ; nắm bắt ý định thực của người viết ở cấp độ B2- C1. Tăng vốn từ vựng trong lĩnh vực tiếng Anh kinh doanh.	1	1		2	Học kỳ 4
14	Tiếng Anh- Viết 1 (tương đương B1) <i>Writing 1</i>	Có kỹ năng viết ở cấp độ cuối A2 và đầu B1. Cùng cố và mở rộng một số điểm văn phạm quan trọng: loại từ, các thì, các mẫu câu. Có kỹ năng viết câu trong tiếng Anh học thuật.	1	2		3	Học kỳ 1
15	Tiếng Anh- Viết 2	Đạt kỹ năng viết ở cấp độ B1: phân tích được	1	2		3	Học kỳ 2

	(tương đương B2) <i>Writing 2</i>	đặc điểm và cấu trúc đoạn văn, kĩ năng viết các dạng văn: nguyên nhân-kết quả, giải quyết vấn đề, kể chuyện, so sánh, miêu tả, nêu ý kiến.					
16	Tiếng Anh-Viết 3 (tương đương C1) <i>Writing 3</i>	Đạt kỹ năng viết ở cấp độ B2: phân tích được đặc điểm và cấu trúc một bài luận, có khả năng viết các dạng bài luận: miêu tả, kể chuyện, nêu ý kiến, so sánh, nguyên nhân-kết quả.	1	2		3	Học kỳ 4
17	Tiếng Anh-Viết nâng cao <i>Advanced Writing</i>	Đạt kỹ năng viết ở cấp độ C1 về đặc điểm và cấu trúc một báo cáo nghiên cứu, các bước tiến hành một nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực ngôn ngữ. Có khả năng viết báo cáo kết quả nghiên cứu.	2	2		4	Học kỳ 5
18	Kỹ năng thuyết trình <i>Presentation Skills</i>	Có kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh trong các buổi họp, hội nghị, hội thảo trong lĩnh vực kinh tế kinh doanh thương mại.	1	2		3	Học kỳ 3
Kiến thức tự chọn Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần sau							
19a	Tiếng Trung	Tích lũy được một lượng từ vựng Tiếng Trung	1	2		3	Học kỳ 6

19b	Quốc thương mại <i>Business Chinese</i>	Quốc thương mại BCT cấp độ A, có thể vận dụng Tiếng Trung Quốc trong công việc cơ bản.					
	Thực hành viết thư tín thương mại <i>Business Correspondence</i>	Có kỹ năng viết các loại thư tín, email, báo cáo, đơn từ trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, thương mại.					
19c	Ngữ pháp <i>Grammar</i>	Có khả năng đạt độ chính xác cao khi sử dụng ngôn ngữ một cách phù hợp trong các tình huống giao tiếp và làm quen với tiếng Anh thương mại.					
Kiến thức ngành							
Kiến thức bắt buộc							
1	Ngữ âm – Âm vị học <i>Phonetics - Phonology</i>	Có kiến thức cơ bản về hệ thống âm của tiếng Anh. Phát âm đúng âm tiết, trọng âm, ngữ điệu, v.v.	2			2	Học kỳ 4
2	Hình thái- Cú pháp học <i>Morphology</i>	Biết phân tích cấu trúc từ và câu, đạt được độ chính xác cao khi sử dụng tiếng Anh trong	3			3	Học kỳ 5

	- <i>Syntax</i>	giao tiếp và dịch thuật.					
3	Ngữ nghĩa học <i>Semantics</i>	Phân tích nghĩa, các thành tố nghĩa, giải thích được cái hiện tượng nghĩa và logic, sử dụng được ngôn ngữ với độ tường minh, chính xác và logic cao.	2			2	Học kỳ 6
Sinh viên chọn 1 trong 2 môn học sau:							
4	Văn hóa Anh hoặc Văn hóa Mỹ/ <i>British Culture/ American Culture</i>	Có kiến thức về đặc trưng và sự hình thành nét đặc trưng văn hóa của người Anh/Mỹ. Giải thích được các vấn đề, hiện tượng xã hội ở Anh/Mỹ trong mối quan hệ với những nền tảng văn hóa cơ bản.	1	1		2	Học kỳ 5
5	Dẫn luận văn học Anh - Mỹ <i>Introduction to British and American Literature</i>	Hiểu được nền văn học Anh-Mỹ qua các giai đoạn chính về bối cảnh xã hội, đặc điểm, trào lưu văn học nổi bật, các tác giả tác phẩm tiêu biểu. Có phương pháp nghiên cứu một tác phẩm cơ bản.	2	1		3	Học kỳ 7
6	Lý thuyết dịch <i>Theory of Translation</i>	Có kiến thức về lý thuyết dịch: thuật ngữ dịch thuật thông dụng, một số phương pháp, kỹ thuật	2			2	Học kỳ 4

		biên dịch, tổng quan về những đặc trưng của tiếng Anh trong tương quan với tiếng Việt, làm tiền đề để thực hành dịch.					
Kiến thức chuyên ngành							
Kiến thức bắt buộc							
1	Biên dịch thương mại Anh – Việt <i>English-Vietnamese Business Translation</i>	Vận dụng các nguyên tắc và kỹ thuật biên dịch để chuyển ngữ các văn bản thuộc lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, thương mại từ tiếng Anh sang tiếng Việt, xác định và khắc phục các lỗi trong bản dịch.	1	2		3	Học kỳ 5
2	Biên dịch thương mại Việt – Anh <i>Vietnamese-English Business Translation</i>	Hoàn thiện kỹ năng dịch văn bản kinh tế, thương mại từ tiếng Việt sang tiếng Anh, sử dụng được các mẫu câu và nét nghĩa tương thích giữa hai ngôn ngữ, khắc phục những lỗi phổ biến trong biên dịch Việt-Anh.	1	2		3	Học kỳ 6
3	Tiếng Anh kinh doanh 1 <i>Business English 1</i>	Sử dụng tiếng Anh để thảo luận về môi trường kinh doanh, sự bất ổn trong kinh doanh, khen thưởng kết quả công việc của nhân viên, văn hóa tổ	1	2		3	Học kỳ 6

		chức và quản trị sự thay đổi.					
4	Học phần Thực tập cuối khóa Internship	Ứng dụng kiến thức để nghiên cứu, thực hành các hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kinh tế, kinh doanh, thương mại. Qua đó, sinh viên rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cần thiết tại môi trường làm việc thực tế.		3		3	Học kỳ 8
5	Học phần Khóa luận tốt nghiệp Research Paper	Thực hiện nghiên cứu độc lập, tìm kiếm, thu thập và chọn lọc tài liệu cũng như phân tích, tổng hợp và tư duy phê phán qua việc thực hiện một khóa luận tốt nghiệp.		9		9	Học kỳ 8
	Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp						
	Phiên dịch thương mại Business Interpretati on	Có kiến thức và kỹ năng về ngành phiên dịch: các loại hình phiên dịch phổ biến cùng những nguyên tắc và kỹ thuật phiên dịch trong tình huống giao dịch đàm phán thương mại hoặc các bản tin kinh tế.	1	2		3	Học kỳ 8
	Giao tiếp liên văn hóa trong	Có kiến thức về các nền văn hóa khác và tầm ảnh hưởng của chúng trong	1	2		3	

	kinh doanh <i>Cross-Cultural Communications in Business</i>	giao tiếp. Có khả năng giao tiếp hiệu quả trong môi trường giao tiếp đa văn hóa.					
	Tiếng Anh kinh doanh 2 <i>Business English 2</i>	Có lượng từ vựng, khái niệm và có kỹ năng vận dụng vào các tình huống trong lĩnh kinh tế kinh doanh cụ thể: quản trị dự án, marketing điện tử, xây dựng thương hiệu, kế toán, kinh tế vi mô, CSR, hoạch định chiến lược.	1	2		3	
Kiến thức tự chọn: sinh viên chọn 2 học phần trong số các học phần sau							
1a	Ngôn ngữ học đối chiếu <i>Contrastive Linguistics</i>	Ngôn ngữ học đối chiếu: Có khái niệm cơ bản về Ngôn ngữ học đối chiếu. Đối chiếu được ngữ vựng Việt và Anh để hỗ trợ công việc biên phiên dịch.	1	2		3	Học kỳ 7
1b	Phân tích diễn ngôn <i>Discourse Analysis</i>	Có kiến thức tổng quát về diễn ngôn, các bộ phận bên trong diễn ngôn, rèn luyện kỹ năng phân tích diễn ngôn. Qua đó, sinh viên phát triển					

		tư duy ngôn ngữ, sử dụng ngôn ngữ chính xác trong học tập và nghiên cứu.					
2a	Tiếng Anh chuyên ngành luật kinh doanh <i>English for Business Law</i>	Tích lũy từ vựng, thuật ngữ, khái niệm và các tình huống giả định để thực hành tiếng Anh liên quan đến lĩnh vực luật kinh doanh. Sinh viên có cơ hội đọc các bài đọc có nội dung về các đạo luật, nguyên tắc, quy định có hiệu lực trong kinh doanh.					
2b	Tiếng Anh chuyên ngành quản lý nhân sự <i>English for Human Resources</i>	Có kiến thức, từ vựng và các tình huống (kỹ năng phỏng vấn, đào tạo nhân sự, quy trình tuyển dụng...) để thực hành về vấn đề quản lý nhân sự					
2c	Tiếng Anh chuyên ngành Marketing <i>English for Marketing</i>	Có kiến thức, từ vựng và các tình huống liên quan các chủ đề trong lĩnh vực Marketing để áp dụng vào bài tập thực hành.					

11. Kế hoạch đào tạo

11.1. Học kỳ 1

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	ELI308	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh/ <i>Introduction to the English Language Major</i>	2	Không	BB	Tiếng Việt
2	ENS301	Tiếng Anh- Nghe 1 (tương đương B1)/ <i>Listening 1</i>	3	Không	BB	Tiếng Anh
3	ENS302	Tiếng Anh- Nói 1 (tương đương B1)/ <i>Speaking 1</i>	3	Không	BB	Tiếng Anh
4	ENS303	Tiếng Anh- Đọc 1 (tương đương B1)/ <i>Reading 1</i>	3	Không	BB	Tiếng Anh
5	ENS304	Tiếng Anh- Viết 1 (tương đương B1)/ <i>Writing 1</i>	3	Không	BB	Tiếng Anh

11.2. Học kỳ 2

STT	Mã học phần	Tên học phần (tên tiếng Anh)	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	ELI302	Phát âm/ <i>Pronunciation</i>	3	Không	BB	Tiếng Anh
2	ENS305	Tiếng Anh- Nghe 2 (tương đương B1+)/ <i>Listening 2</i>	3	Tiếng Anh- Nghe 1/ <i>Listening 1</i>	BB	Tiếng Anh
3	ENS306	Tiếng Anh- Nói	3	Tiếng Anh-	BB	Tiếng Anh

		2 (tương đương B1+)/ <i>Speaking 2</i>		Nói 1/ <i>Speaking 1</i>		Anh
4	ENS307	Tiếng Anh- Đọc 2 (tương đương B1+)/ <i>Reading 2</i>	3	Tiếng Anh- Đọc 1/ <i>Reading 1</i>	BB	Tiếng Anh
5	ENS308	Tiếng Anh- Viết 2 (tương đương B2)/ <i>Writing 2</i>	3	Tiếng Anh- Viết 1/ <i>Writing 1</i>	BB	Tiếng Anh
6	ELI307	Dẫn luận ngôn ngữ học/ <i>Introduction to linguistics</i>	2	Không	BB	Tiếng Việt
7		Học phần tự chọn đại cương	2	Không	TC	Tiếng Việt

11.3. Học kỳ 3

STT	Mã học phần	Tên học phần (tên tiếng Anh)	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	ENS309	Tiếng Anh- Nghe 3 (tương đương B2)/ <i>Listening 3</i>	3	Tiếng Anh- Nghe 2/ <i>Listening 2</i>	BB	Tiếng Anh
2	ENS310	Tiếng Anh- Nói 3 (tương đương B2)/ <i>Speaking 3</i>	3	Tiếng Anh- Nói 2/ <i>Speaking 2</i>	BB	Tiếng Anh
3	ENS311	Tiếng Anh- Đọc 3 (tương đương B2)/ <i>Reading 3</i>	3	Tiếng Anh- Đọc 2/ <i>Reading 2</i>	BB	Tiếng Anh
4	ENS347	Kỹ năng thuyết trình/ <i>Presentation Skills</i>	3	Tiếng Anh- Nghe 2/ <i>Listening 2</i> , Tiếng Anh- Nói 2/ <i>Speaking 2</i>	BB	Tiếng Anh
5	CNL306 /	Ngoại ngữ 2:	3	Không	BB	Tiếng

	JPL301	Tiếng Trung Quốc 1 (tương đương HSK1)- Tiếng Nhật 1(tương đương N5)/ <i>Chinese 1-Japanese 1</i>				Trung quốc/ Tiếng Nhật
6	MLM306	Triết học Mác Lênin/ <i>Marxist-Leninist Philosophy</i>	3	Không	BB	Tiếng Việt

11.4. Học kỳ 4

STT	Mã học phần	Tên học phần (tên tiếng Anh)	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	ENS312	Tiếng Anh-Viết 3 (tương đương C1)/ <i>Writing 3</i>	3	Tiếng Anh-Viết 2/ <i>Writing 2</i>	BB	Tiếng Anh
2	ENP710	Tiếng Anh-Nghe nâng cao (tương đương C1)/ <i>Advanced Listening</i>	2	Tiếng Anh-Nghe 3/ <i>Listening 3</i>	BB	Tiếng Anh
3	ENP709	Tiếng Anh-Nói nâng cao (tương đương C1)/ <i>Advanced Speaking</i>	2	Tiếng Anh-Nói 3/ <i>Speaking 3</i>	BB	Tiếng Anh
4	ENP708	Tiếng Anh-Đọc nâng cao (tương đương C1)/ <i>Advanced Reading</i>	2	Tiếng Anh-Đọc 3/ <i>Reading 3</i>	BB	Tiếng Anh
5	CNL307 / JPL302	Ngoại ngữ 2: Tiếng Trung Quốc 2 (tương	3	Tiếng Trung Quốc 1- Tiếng Nhật 1/	BB	Tiếng Trung quốc/

		đương HSK2)- Tiếng Nhật 2 (tương đương N5)/ <i>Chinese 2- Japanese 2</i>		<i>Chinese 1- Japanese 1</i>		Tiếng Nhật
6	ENP713	Lý thuyết dịch/ <i>Theory of Translation</i>	2	Tiếng Anh- Đọc 3/ <i>Reading 3</i>	BB	Tiếng Việt
7	ELI303	Ngữ âm- Âm vị học/ <i>Phonetics - Phonology</i>	2	Phát âm/ <i>Pronunciation</i> ; Tiếng Anh- Nói 3/ <i>Speaking 3</i>	BB	Tiếng Việt
8	MLM307	Kinh tế chính trị Mác Lênin/ <i>Marxist Leninist Political Economics</i>	2	Triết học Mác Lênin/ <i>Marxist- Leninist Philosophy</i>	BB	Tiếng Việt

11.5. Học kỳ 5

STT	Mã học phần	Tên học phần (tên tiếng Anh)	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ <i>Scientific Socialism</i>	2	Triết học Mác Lênin/ <i>Marxist- Leninist Philosophy</i>	BB	Tiếng Việt
2	ENP711	Tiếng Anh- Viết nâng cao/ <i>Advanced Writing</i>	4	Tiếng Anh- Viết 3/ <i>Writing 3</i>	BB	Tiếng Anh
3	ENP705	Hình thái- Cú pháp học/ <i>Morphology- Syntax</i>	3	Ngữ âm- Âm vị học/ <i>Phonetics - Phonology</i>	BB	Tiếng Anh

4	SOC306 / SOC307	Văn hóa Anh/ Văn hóa Mỹ / <i>British Culture/</i> <i>American</i> <i>Culture</i>	2	Tiếng Anh- Độc 3/ <i>Reading</i> 3, Tiếng Anh- Viết 3/ <i>Writing</i> 3	BB	Tiếng Anh
5	CNL308 / JPL303	Ngoại ngữ 2: Tiếng Trung Quốc 3 (tương đương HSK3)- Tiếng Nhật 3 (tương đương N4)/ <i>Chinese 3-</i> <i>Japanese 3</i>	3	Ngoại ngữ 2: Tiếng Trung Quốc 2- Tiếng Nhật 2/ <i>Chinese</i> <i>2- Japanese 2</i>	BB	Tiếng Trung quốc/ Tiếng Nhật
6	ENB320	Biên dịch thương mại Anh-Việt/ <i>English-</i> <i>Vietnamese</i> <i>Business</i> <i>Translation</i>	3	Lý thuyết dịch/ <i>Theory of</i> <i>Translation</i>	BB	Tiếng Anh

11.6. Học kỳ 6

STT	Mã học phần	Tên học phần (tên tiếng Anh)	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ <i>Ho</i> <i>Chi Minh</i> <i>Thought</i>	2	Triết học Mác - Lênin	BB	Tiếng Việt
2	ENP714	Tiếng Anh kinh doanh 1/ <i>Business</i> <i>English 1</i>	3	Tiếng Anh- Nghe 3/ <i>Listening 3,</i> Tiếng Anh- Nói 3/ <i>Speaking 3,</i> Tiếng Anh- Độc 3/ <i>Reading 3</i>	BB	Tiếng Anh

				Tiếng Anh- Viết 3/ <i>Writing 3</i>		
3	CNL309/ JPL304	Ngoại ngữ 2: Tiếng Trung Quốc 4 (tương đương HSK3)- - Tiếng Nhật 4 (tương đương N4)/ <i>Chinese 4- Japanese 4</i>	3	Ngoại ngữ 2: Tiếng Trung Quốc 3- Tiếng Nhật 3/ <i>Chinese 3- Japanese 3</i>	BB	Tiếng Trung quốc/ Tiếng Nhật
4	ENB321	Biên dịch thương mại Việt- Anh/ <i>Vietnamese- English Business Translation</i>	3	Biên dịch thương mại Anh-Việt/ <i>English- Vietnamese Business Translation</i>	BB	Tiếng Anh
5	ELI305	Ngữ nghĩa học/ <i>Semantics</i>	2	Hình thái- Cú pháp học/ <i>Morphology- Syntax</i>	BB	Tiếng Anh
6		Các học phần tự chọn cơ sở ngành	3		TC	

11.7. Học kỳ 7

STT	Mã học phần	Tên học phần (tên tiếng Anh)	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	MLM309	Lịch sử Đảng CSVN/ <i>History of Communist Party of Vietnam</i>	2	Triết học Mác - Lênin	BB	Tiếng Việt
2	SOC309	Dẫn luận văn học Anh- Mỹ/	3	Văn hóa Anh/ Văn	BB	Tiếng Anh

		<i>Introduction to British and American Literature</i>		hóa Mỹ/ <i>British Culture/ American Culture</i>		
3		Các học phần tự chọn ngành/ chuyên ngành	6		TC	Tiếng Anh

11.8. Học kỳ 8

STT	Mã học phần	Tên học phần (tên tiếng Anh)	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	INT307	Học phần Thực tập cuối khóa/ <i>Internship</i>	3	Theo quy chế đào tạo	BB	Tiếng Anh
2	REP307	Học phần Khóa luận tốt nghiệp/ <i>Research Paper</i>	9	Theo quy chế đào tạo	BB	Tiếng Anh
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp						
2.1	ENP716	Tiếng Anh kinh doanh 2/ <i>Business English 2</i>	3	Tiếng Anh kinh doanh 1/ <i>Business English 1</i>	BB	Tiếng Anh
2.2	ENB305	Phiên dịch thương mại/ <i>Business Interpretation</i>	3	Biên dịch thương mại Anh-Việt/ <i>English-Vietnamese Business Translation</i>	BB	Tiếng Anh
2.3	ENP715	Giao tiếp liên văn hóa trong kinh doanh/ <i>Cross Cultural Communications in Business</i>	3	Tiếng Anh Đọc 3/ <i>Reading 3</i> Tiếng Anh Viết 3/ <i>Writing 3</i>	BB	Tiếng Anh

12. Hướng dẫn thực hiện

12.1 Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: Trường hợp sinh viên không thực hiện học phần Khóa luận tốt nghiệp, nhóm các học phần thay thế phải có tổng số tín chỉ tương đương là 9.

12.2 Các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng: Là điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp (có chứng chỉ hoàn thành) không được sử dụng để tính điểm trung bình chung tích lũy.

12.3 Chuẩn tin học đầu ra: Sinh viên phải có Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao do Trường cấp hoặc các chứng chỉ tin học khác tương đương theo thông báo của Trường. Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ để chứng minh trình độ tin học theo thông báo của Trường.

HIỆU TRƯỞNG ✕



The stamp is circular with the text "CỘNG HÒA VIỆT NAM" around the top edge and "ĐẠI HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH" around the bottom edge. In the center, it says "TRƯỜNG". A handwritten signature is written over the stamp.

Bùi Hữu Toàn